



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|---------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 7 - 41 |
| <i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</i> | 7 - 8 |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021</i> | 9 |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021</i> | 10 |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2021</i> | 11 - 41 |
| Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 42 |



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Kim khí KKC) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000033 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2001. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung 15 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 số 0200412681 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc thay đổi tên công ty.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 15: 52.000.000.000 VND

Vốn thực góp tại thời điểm 31/12/2021: 52.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Điện thoại : 0225 382 6832
Fax : 0225 383 6425
Mã số thuế : 0 2 0 0 4 1 2 6 8 1

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 42).

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2021-NQ/ĐHCD ngày 14/12/2021 của Công ty Cổ phần Kim Khí KKC (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái) đã thông qua việc cho phép Công ty Cổ phần Tập đoàn T&D Group được nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông Công ty để nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty theo phương thức giao dịch thỏa thuận trên sàn HNX. Ngày 05/01/2022, Công ty Cổ phần Tập đoàn T&D Group đã hoàn thành xong việc nhận chuyển nhượng cổ phiếu và nắm giữ 4.020.402 cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|----------------------|--------------------|---------------------------|
| Bà Phạm Thị Minh Yến | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 28/9/2021 |
| Bà Trịnh Thanh Nhân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28/9/2021 |
| Ông Trần Trung Hiếu | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm ngày 28/9/2021 |
| Ông Đào Trọng Khôi | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 28/9/2021 |
| Ông Đoàn Trung Hà | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 28/9/2021 |
| Ông Trần Trọng Hải | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 28/9/2021 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|---------------------|----------------|---|
| Ông Đoàn Trung Hà | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 05/10/2021 |
| Bà Trịnh Thanh Nhân | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 05/10/2021, miễn nhiệm ngày 13/10/2021 |
| Ông Nguyễn Đức Dũng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 13/10/2021 |

Ban Kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|-----------------------|----------------|----------------------------|
| Bà Vũ Thị Hồng Liên | Trưởng ban | |
| Bà Nguyễn Thanh Thủy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28/9/2021 |
| Bà Bùi Thị Non | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 14/12/2021 |
| Ông Nguyễn Thế Trương | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 28/9/2021 |

Kế toán trưởng

Bà Mạc Thị Nhung

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hải Phòng, ngày 21 tháng 3 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

(theo Giấy ủy quyền số 01/2021-KKC/UQ ngày 13/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị - người đại diện theo pháp luật của Công ty)

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Dũng

Số : 3006.02.02/2021/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái, được lập ngày 21 tháng 3 năm 2022 từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 263.516.498.914 | 115.395.183.773 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 499.835.059 | 9.715.054.616 |
| 1. Tiền | 111 | | 499.835.059 | 3.715.054.616 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 6.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 143.795.805.865 | 15.431.482.191 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 131.286.444.715 | 20.014.063.383 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | V.2a | (1.490.638.850) | (6.638.063.383) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2b | 14.000.000.000 | 2.055.482.191 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 61.205.200.913 | 40.206.474.202 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 14.062.945.987 | 33.865.939.751 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 41.700.541.471 | 5.055.000.000 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 6.729.130.371 | 2.571.997.325 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (1.287.416.916) | (1.286.462.874) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 52.101.230.488 | 47.088.461.550 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 52.101.230.488 | 47.088.461.550 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 5.914.426.589 | 2.953.711.214 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 121.779.212 | 179.168.876 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 3.907.483.534 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.13 | 1.885.163.843 | 2.774.542.338 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 10.682.160.568 | 11.883.839.402 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | 1.000.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5 | - | 1.000.000.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 5.739.019.880 | 7.746.673.591 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 4.341.060.736 | 6.226.265.463 |
| - Nguyên giá | 222 | | 28.727.012.736 | 34.301.317.564 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (24.385.952.000) | (28.075.052.101) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | 1.397.959.144 | 1.520.408.128 |
| - Nguyên giá | 228 | | 3.177.697.312 | 3.177.697.312 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.779.738.168) | (1.657.289.184) |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 4.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2c | 4.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 943.140.688 | 137.165.811 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 943.140.688 | 137.165.811 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 274.198.659.482 | 127.279.023.175 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 200.674.586.809 | 51.520.089.926 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 200.674.586.809 | 51.520.089.926 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 268.749.130 | 13.758.490.980 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 29.235.466.530 | 3.369.460.448 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 347.412.924 | 597.537.668 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 503.755.441 | 1.514.759.711 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 59.297.349 | 15.762.419 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16 | 93.222.599 | 114.293.499 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.14 | 169.491.771.273 | 29.904.591.638 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.17 | 674.911.563 | 2.245.193.563 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 73.524.072.673 | 75.758.933.249 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.18 | 73.524.072.673 | 75.758.933.249 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 52.000.000.000 | 52.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 52.000.000.000 | 52.000.000.000 |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 5.200.000.000 | 5.200.000.000 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (7.774.838.245) | (7.774.838.245) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 1.301.511.824 | 1.301.511.824 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 22.797.399.094 | 25.032.259.670 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 17.055.349.670 | 12.479.908.639 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 5.742.049.424 | 12.552.351.031 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 274.198.659.482 | 127.279.023.175 |

Lập ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Mạc Thị Nhung

Mạc Thị Nhung

Nguyễn Đức Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mẫu số B02 - DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 349.643.463.787 | 454.412.033.047 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 349.643.463.787 | 454.412.033.047 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 332.360.651.401 | 434.483.692.663 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 17.282.812.386 | 19.928.340.384 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.469.874.748 | 1.545.780.644 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 1.844.917.761 | (516.853.298) |
| - Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 2.954.776.068 | 4.208.479.527 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 4.462.264.491 | 4.474.144.742 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 5.494.617.283 | 5.931.715.264 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)} | 30 | | 6.950.887.599 | 11.585.114.320 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 379.414.471 | 1.476.271.454 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 107.220.290 | 789.979 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 272.194.181 | 1.475.481.475 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 7.223.081.780 | 13.060.595.795 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.9 | 1.481.032.356 | 508.244.764 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 5.742.049.424 | 12.552.351.031 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 1.224 | 2.675 |

Lập ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Mạc Thị Nhung

Mạc Thị Nhung

Nguyễn Đức Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

Mẫu số B03 - DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|--------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 437.775.418.714 | 478.350.945.719 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (545.519.813.910) | (417.085.993.892) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (5.122.715.000) | (3.945.320.000) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (1.399.143.766) | (3.225.613.019) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | (441.864.196) | - |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 28.506.338.871 | 36.333.316.021 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (43.660.658.868) | (52.961.994.664) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (129.862.438.155) | 37.465.340.165 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (152.108.000) | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 878.823.772 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (14.000.000.000) | (2.055.482.191) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 2.055.482.191 | - |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.373.957.917 | 1.198.489.122 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (9.843.844.120) | (856.993.069) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.14 | 293.828.890.025 | 257.904.320.479 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.14 | (155.736.255.311) | (291.351.731.020) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (7.601.326.135) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 130.491.308.579 | (33.447.410.541) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (9.214.973.696) | 3.160.936.555 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 9.715.054.616 | 6.554.303.299 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | VI.4 | (245.861) | (185.238) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 499.835.059 | 9.715.054.616 |

Người lập biểu



Mạc Thị Nhung

Kế toán trưởng



Mạc Thị Nhung

Lập ngày 21 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
 - Khai thác quặng sắt;
 - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
 - Bốc, xếp hàng hóa;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
 - Tái chế phế liệu;
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
 - Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Hoạt động của các cơ sở thể thao;
 - Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
 - Cho thuê xe có động cơ;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác./

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

4. Số lượng lao động đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 24 người lao động. Số lượng lao động đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 30 người lao động.
5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng.
6. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:** Không có.
7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC năm 2021 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2020.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán được lập dự phòng giảm giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Doanh nghiệp phải hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh. Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Khi nhà đầu tư nhận được thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (chia cổ tức bằng cổ phiếu) để phát hành thêm cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần.

Mọi trường hợp hoán đổi cổ phiếu đều phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động (bình quân gia quyền theo từng lần mua).

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

c) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 05 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 - 10 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản Vay và nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản Vay và nợ thuê tài chính được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa vào giá trị tài sản khi có đủ điều kiện theo quy định Chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 “Chi phí đi vay”.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cụ thể như sau:

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền là 22.585 VND/USD.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

19. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

b) Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

c) Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 113.871.106 | 110.130.955 |
| Tiền gửi ngân hàng | 385.963.953 | 3.604.923.661 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 6.000.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng | - | 6.000.000.000 |
| Cộng | <u>499.835.059</u> | <u>9.715.054.616</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|------------------|------------------------|------------------------|------------------|-----------------------|------------------------|
| | Số lượng | Giá gốc | Dự phòng | Số lượng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (PLX) | 200.000 | 10.417.452.775 | - | - | - | - |
| Tập đoàn Vingroup - CTCP (VIC) | 165.100 | 17.191.648.850 | (1.490.638.850) | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM) | 1.305.500 | 103.677.343.090 | - | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn thép Tiến Lên | - | - | - | 1.760.000 | 20.014.063.383 | (6.638.063.383) |
| Cộng | 1.670.600 | 131.286.444.715 | (1.490.638.850) | 1.760.000 | 20.014.063.383 | (6.638.063.383) |

Chứng khoán kinh doanh được sử dụng để thế chấp cho khoản vay Margin tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam).

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 14.000.000.000 | 14.000.000.000 | 2.055.482.191 | 2.055.482.191 |
| Cộng | 14.000.000.000 | 14.000.000.000 | 2.055.482.191 | 2.055.482.191 |

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng và 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021-HĐCVHM/NHCT168-KIMKHIKKC ngày 30 tháng 7 năm 2021.

c) Đầu tư tài chính dài hạn

- Là trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2017. Công ty sở hữu 300 trái phiếu có mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất thả nổi và được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,2%/năm, hình thức: trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ, thời hạn 10 năm từ ngày 14 tháng 11 năm 2017 đến ngày 14 tháng 11 năm 2027.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Là trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2020. Công ty sở hữu 10.000 trái phiếu có mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, lãi suất thả nổi và được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng 0,9%/năm, hình thức: trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi số, thời hạn 08 năm từ ngày 30 tháng 7 năm 2020 đến ngày 30 tháng 7 năm 2028.

Tất cả Trái phiếu này được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng cầm cố số 01/2019/HĐBĐ/NHCT168-KIMKHIKKC ngày 19/08/2019 và hợp đồng cầm cố số 02/2021/HĐBĐ/NHCT168-KIMKHIKKC ngày 17/9/2021.

Trong năm, Công ty đã nhận được lãi từ trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, số tiền 275.550.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Công ty TNHH Sản xuất và TM Thép Bắc Việt | 12.745.131.069 | - |
| Công ty TNHH TM Đầu tư Thanh Hà | - | 8.952.637.614 |
| Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật | - | 4.696.276.639 |
| Công ty CP TM thép Hùng Cường | - | 3.734.977.110 |
| Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư AEC | - | 3.684.169.279 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải | - | 3.407.120.321 |
| Công ty CP TM & VT Đức Thành | - | 1.180.766.726 |
| Công ty TNHH Việt Hòa HD | - | 1.046.034.832 |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Hoàng Sơn | - | 714.267.292 |
| Các khách hàng khác | 1.317.814.918 | 6.449.689.938 |
| Cộng | <u>14.062.945.987</u> | <u>33.865.939.751</u> |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Công ty TNHH TM Kim Khí XNK Huy Hoàng | 39.291.425.032 | - |
| The trustee for D & T Melbourne trust trading AS D & T Melbourne Export | 2.324.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thép Hoàng Minh | - | 5.000.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 85.116.439 | 55.000.000 |
| Cộng | <u>41.700.541.471</u> | <u>5.055.000.000</u> |

5. Phải thu khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Ngắn hạn | 6.729.130.371 | - | 2.571.997.325 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 6.591.293.145 | - | 2.539.862.325 | - |
| Tạm ứng | 95.000.000 | - | 32.135.000 | - |
| Lãi dự thu | 30.739.726 | - | - | - |
| Phải thu khác | 12.000.000 | - | - | - |
| BHXH nộp thừa | 97.500 | - | - | - |
| Dài hạn | - | - | 1.000.000.000 | - |
| Ông Đoàn Trung Hà | - | - | 1.000.000.000 | - |

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn | Nợ phải thu, cho vay dài hạn | Cộng |
|----------------------------|--|---|----------------------|
| Số đầu năm | 1.286.462.874 | - | 1.286.462.874 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 954.042 | - | 954.042 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - | - |
| Số cuối năm | 1.287.416.916 | - | 1.287.416.916 |

Chi tiết nợ xấu và trích lập các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi xem phụ lục số 01.

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | - | - | 219.941.674 | - |
| Thành phẩm | - | - | 1.396.771.153 | - |
| Hàng hóa | 52.101.230.488 | - | 45.471.748.723 | - |
| Cộng | 52.101.230.488 | - | 47.088.461.550 | - |

Công ty sử dụng hàng tồn kho với giá trị 19.283.469.000 VND để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số HPG201912476620/HDTD ký ngày 22/4/2019, Phụ lục Hợp đồng tín dụng số HPG201912476620/HDTD/PL04 ký ngày 28/6/2021 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số HPG201912476620/HDTD ký ngày 02/11/2021. Giá trị hàng tồn kho còn lại được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng tín dụng số 01/2021-HĐCVHM/NHCT168-KIMKHIKKC ngày 07 tháng 7 năm 2021.

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất. Chi tiết số phát sinh như sau:

| | Năm nay |
|------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 3.177.697.312 |
| Số cuối năm | 3.177.697.312 |
| Giá trị hao mòn | |
| Số đầu năm | 1.657.289.184 |
| Khấu hao trong năm | 122.448.984 |
| Số cuối năm | 1.779.738.168 |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 1.520.408.128 |
| Số cuối năm | 1.397.959.144 |

Tài sản cố định vô hình đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021-HĐCVHM/NHCT168-KIMKHIKKC ngày 07 tháng 7 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Phí bảo hiểm, đăng kiểm | 45.882.636 | 33.698.500 |
| Phí sử dụng đường bộ | 75.896.576 | 50.933.333 |
| Công cụ dụng cụ | - | 94.537.043 |
| Cộng | <u>121.779.212</u> | <u>179.168.876</u> |

b) Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng đang phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 15.667.228.810 | 4.900.614.639 | 13.333.587.873 | 334.703.709 | 65.182.533 | 34.301.317.564 |
| Tăng do mua sắm | - | - | - | 138.280.000 | - | 138.280.000 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (4.996.652.468) | - | - | (4.996.652.468) |
| Giảm khác | - | (264.012.002) | (150.662.104) | (301.258.254) | - | (715.932.360) |
| Số cuối năm | 15.667.228.810 | 4.636.602.637 | 8.186.273.301 | 171.725.455 | 65.182.533 | 28.727.012.736 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 8.749.586.143 | 4.103.218.963 | 2.985.216.230 | 33.445.455 | 65.182.533 | 15.936.649.324 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 11.490.850.932 | 4.633.922.805 | 11.550.392.122 | 334.703.709 | 65.182.533 | 28.075.052.101 |
| Khấu hao trong năm | 691.764.264 | 53.338.368 | 812.870.648 | 5.947.528 | - | 1.563.920.808 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (4.537.088.549) | - | - | (4.537.088.549) |
| Giảm khác | - | (264.012.002) | (150.662.104) | (301.258.254) | - | (715.932.360) |
| Số cuối năm | 12.182.615.196 | 4.423.249.171 | 7.675.512.117 | 39.392.983 | 65.182.533 | 24.385.952.000 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 4.176.377.878 | 266.691.834 | 1.783.195.751 | - | - | 6.226.265.463 |
| Số cuối năm | 3.484.613.614 | 213.353.466 | 510.761.184 | 132.332.472 | - | 4.341.060.736 |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 23.386.551.179 VND và 3.854.508.718 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng tín dụng số 01/2021-HĐCVHM/NHCT168-KIMKHIKKC ngày 07 tháng 7 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-------------------------------------|--------------------|----------------------------------|-----------------------|----------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| Công ty Cổ phần Thép Trang Khanh | - | - | 11.697.574.308 | 11.697.574.308 |
| Các nhà cung cấp khác | 268.749.130 | 268.749.130 | 2.060.916.672 | 2.060.916.672 |
| Cộng | 268.749.130 | 268.749.130 | 13.758.490.980 | 13.758.490.980 |

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|----------------------|
| <i>Người mua trả tiền trước là bên liên quan</i> | 29.130.623.940 | - |
| Công ty Cổ phần Thành Đức Holding | 29.130.623.940 | - |
| <i>Người mua trả tiền trước là các tổ chức khác</i> | 104.842.590 | 3.369.460.448 |
| Công ty Cổ phần Thép Minh Thành | - | 3.000.000.000 |
| Các khách hàng khác | 104.842.590 | 369.460.448 |
| Cộng | 29.235.466.530 | 3.369.460.448 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối kỳ | |
|-----------------------------|----------------------|--------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| | Phải thu | Phải nộp | | | Phải thu | Phải nộp |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 597.537.668 | 4.821.321.742 | 5.418.859.410 | - | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 2.406.906.432 | 2.406.906.432 | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 691.755.236 | - | 1.481.032.356 | 441.864.196 | - | 347.412.924 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 63.080.102 | - | 869.559.016 | 847.631.114 | 41.152.200 | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 2.019.707.000 | - | 196.520.707 | 20.825.350 | 1.844.011.643 | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 4.000.000 | 4.000.000 | - | - |
| Cộng | 2.774.542.338 | 597.537.668 | 9.779.340.253 | 9.140.086.502 | 1.885.163.843 | 347.412.924 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% và 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | | | | |
| Ông Đoàn Trung Hà (1) | - | - | 15.616.892.440 | 15.616.892.440 |
| Bà Nguyễn Thị Huyền Trang (1) | - | - | 6.959.657.186 | 6.959.657.186 |
| Bà Vũ Thị Thủy (1) | - | - | 153.405.681 | 153.405.681 |
| Bà Đào Thị Hoa (1) | - | - | 7.792.240.401 | 7.792.240.401 |
| Bà Bùi Thị Non (1) | - | - | 405.903.333 | 405.903.333 |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | | | | |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (2) | 169.491.771.273 | 169.491.771.273 | 14.287.699.198 | 14.287.699.198 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (3) | 71.822.601.266 | 71.822.601.266 | 13.881.565.865 | 13.881.565.865 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (4) | 22.036.815.902 | 22.036.815.902 | - | - |
| Ông Trần Anh Tuấn (1) | 75.632.354.105 | 75.632.354.105 | - | - |
| Cộng | 169.491.771.273 | 169.491.771.273 | 29.904.591.638 | 29.904.591.638 |

(1) Vay ngắn hạn cá nhân theo hợp đồng tín dụng với cá nhân. Các khoản vay này có thời hạn vay dưới 12 tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, kỳ trả lãi theo tháng, lãi suất được quy định rõ các hợp đồng vay và nhỏ hơn hoặc bằng 1,5 lần lãi suất Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Đến 31/12/2021, Công ty đã tắt toán các khoản vay này.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT168-KIMKHIKCC ngày 07/7/2021 thay thế cho Hợp đồng tín dụng số 01/2020-HĐTDHM/NHCT168-KIMKHIKCC ngày 07/7/2020 và các phụ lục kèm theo, tổng hạn mức quy đổi ra đồng Việt Nam không vượt quá 80 tỷ đồng, với mục đích bổ sung vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Lãi suất cho vay trong hạn của Khoản nợ là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay được điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Công ty sử dụng trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi, toàn bộ tài sản vật kiến trúc trên đất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

và công trình phụ trợ khác tại xã An Hồng, H. An Dương, Tp. Hải Phòng có diện tích là 8.742 m² cùng máy móc thiết bị và toàn bộ hàng tồn kho hình thành từ vốn vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền để đảm bảo cho khoản vay trên.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng cấp tín dụng số HPG201912476620/HDTD ngày 22/4/2019, Phụ lục Hợp đồng tín dụng số HPG201912476620/HDTD/PL04 ký ngày 28/6/2021 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số HPG201912476620/HDTD ký ngày 02/11/2021, hạn mức tín dụng là 130 tỷ đồng trong đó: hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng, hạn mức L/C là 130 tỷ trừ dư hạn mức cho vay (trong đó hạn mức phục vụ kinh doanh sắt thép xây dựng tối đa 60 tỷ đồng). Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thép (trừ thép phế). Lãi suất cho vay theo từng lần giải ngân được quy định cụ thể trên Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ được lập theo mỗi lần rút vốn vay nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu do Techcombank quy định tại từng thời kỳ theo từng đối tượng khách hàng. Tài sản đảm bảo là toàn bộ hàng tồn kho hình thành từ vốn vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.

(4) Là khoản vay margin tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch ngày 16/12/2020.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Lãi vay nhập gốc</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|---|-----------------------|--|-------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 13.881.565.865 | 168.304.136.087 | - | 88.326.284.784 | 93.859.417.168 |
| Vay ngắn hạn công ty chứng khoán | - | 105.949.553.938 | 1.288.356.353 | 31.605.556.186 | 75.632.354.105 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân (là bên liên quan) | 15.616.892.440 | 19.575.200.000 | 206.188.568 | 35.398.281.008 | - |
| Vay ngắn hạn các cá nhân khác | 406.133.333 | - | - | 406.133.333 | - |
| Cộng | 29.904.591.638 | 293.828.890.025 | 1.494.544.921 | 155.736.255.311 | 169.491.771.273 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Là chi phí lãi vay phải trả.

16. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|--------------------------|---------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 81.289.759 | 97.385.759 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 11.932.840 | 16.907.740 |
| Cộng | <u>93.222.599</u> | <u>114.293.499</u> |

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-----------------|-----------------------------|---|------------------------------|---------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 1.244.725.051 | - | 812.700.000 | 432.025.051 |
| Quỹ phúc lợi | 1.000.468.512 | - | 757.582.000 | 242.886.512 |
| Cộng | <u>2.245.193.563</u> | - | <u>1.570.282.000</u> | <u>674.911.563</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Vốn khác của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | LNST chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|------------------------|----------------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm trước | 52.000.000.000 | 5.200.000.000 | (7.774.838.245) | 1.301.511.824 | 12.479.908.639 | 63.206.582.218 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | 12.552.351.031 | 12.552.351.031 |
| Số dư cuối năm trước | 52.000.000.000 | 5.200.000.000 | (7.774.838.245) | 1.301.511.824 | 25.032.259.670 | 75.758.933.249 |
| Số dư đầu năm nay | 52.000.000.000 | 5.200.000.000 | (7.774.838.245) | 1.301.511.824 | 25.032.259.670 | 75.758.933.249 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | 5.742.049.424 | 5.742.049.424 |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (7.976.910.000) | (7.976.910.000) |
| Số dư cuối năm nay | 52.000.000.000 | 5.200.000.000 | (7.774.838.245) | 1.301.511.824 | 22.797.399.094 | 73.524.072.673 |

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**Cổ đông**

| | Số cuối năm | |
|------------------------------------|-----------------------|------------------|
| | Vốn góp | Tỷ lệ (%) |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn T&D Group | 4.680.000.000 | 9,00% |
| Trần Tuấn Linh | 8.230.000.000 | 15,83% |
| Phạm Khánh Chi | 7.867.020.000 | 15,13% |
| Bùi Thị Phương Ngân | 3.047.000.000 | 5,86% |
| Các cổ đông khác | 28.175.980.000 | 54,18% |
| Cộng | 52.000.000.000 | 100,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ KKC

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**c) Cổ phiếu**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 5.200.000 | 5.200.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 5.200.000 | 5.200.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 5.200.000 | 5.200.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 507.700 | 507.700 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 507.700 | 507.700 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 4.692.300 | 4.692.300 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 4.692.300 | 4.692.300 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

19. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|--------------------|-------------------|
| Ngoại tệ các loại | | |
| <i>Dollar Mỹ (USD)</i> | 599,66 | 1.358,47 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 336.666.783.457 | 433.554.976.171 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 10.566.487.236 | 18.513.285.030 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 2.410.193.094 | 2.343.771.846 |
| Cộng | <u>349.643.463.787</u> | <u>454.412.033.047</u> |
| Trong đó, doanh thu với bên liên quan | 26.876.993.120 | - |
| Công ty Cổ phần Thành Đức Holding | 26.876.993.120 | - |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 323.654.927.250 | 418.395.725.930 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 8.705.724.151 | 16.642.802.078 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | (554.835.345) |
| Cộng | <u>332.360.651.401</u> | <u>434.483.692.663</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 461.634.090 | 313.352.136 |
| Lãi bán các khoản đầu tư | 943.063.553 | - |
| Lãi chậm trả tiền hàng | - | 201.501.790 |
| Lãi nhận được từ chia cổ tức | - | 880.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 65.177.105 | 150.926.718 |
| Cộng | <u>1.469.874.748</u> | <u>1.545.780.644</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁIĐịa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền vay | 2.954.776.068 | 4.208.479.527 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 149.829.202 | 748.081.937 |
| Lỗ bán chứng khoán kinh doanh | 3.855.173.383 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 245.861 | 185.238 |
| Chi phí tài chính khác | 32.317.780 | - |
| Dự phòng/hoàn nhập giảm giá chứng khoán | (5.147.424.533) | (5.473.600.000) |
| Cộng | <u>1.844.917.761</u> | <u>(516.853.298)</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 2.341.718.110 | 1.996.994.015 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.242.116.544 | 1.400.270.049 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 867.064.837 | 1.072.963.678 |
| Chi phí khác | 11.365.000 | 3.917.000 |
| Cộng | <u>4.462.264.491</u> | <u>4.474.144.742</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 3.180.158.420 | 3.588.364.193 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 13.785.834 | - |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 431.106.828 | 431.106.828 |
| Thuế, phí và lệ phí | 200.851.252 | 24.825.350 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 954.042 | 636.028 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.550.735.270 | 1.870.222.545 |
| Các chi phí khác | 117.025.637 | 16.560.320 |
| Cộng | <u>5.494.617.283</u> | <u>5.931.715.264</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|-----------------------------|
| Tiền thuê đất từ năm 2014 - 2019 được giảm | - | 1.468.506.000 |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 339.366.783 | - |
| Phạt vi phạm hợp đồng | 40.000.000 | - |
| Thu nhập khác | 47.688 | 7.765.454 |
| Cộng | <u>379.414.471</u> | <u>1.476.271.454</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Xử lý công nợ lâu nhỏ, lẻ | 220.290 | 299.979 |
| Chi phí khác | 107.000.000 | 490.000 |
| Cộng | <u>107.220.290</u> | <u>789.979</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 7.223.081.780 | 13.060.595.795 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 182.080.000 | (838.949.680) |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | 182.080.000 | 41.050.320 |
| <i>Chi phí không có chứng từ, chi phí khác</i> | <i>124.080.000</i> | <i>17.050.320</i> |
| <i>Thù lao HĐQT, BKS không điều hành</i> | <i>58.000.000</i> | <i>24.000.000</i> |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | (880.000.000) |
| <i>Thu nhập nhận được từ cổ tức</i> | <i>-</i> | <i>(880.000.000)</i> |
| Thu nhập chịu thuế | 7.405.161.780 | 12.221.646.115 |
| Lỗi các năm được chuyển | - | (9.680.422.294) |
| Thu nhập tính thuế | 7.405.161.780 | 2.541.223.821 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | <u>1.481.032.356</u> | <u>508.244.764</u> |

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 5.742.049.424 | 12.552.351.031 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 5.742.049.424 | 12.552.351.031 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 4.692.300 | 4.692.300 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>1.224</u> | <u>2.675</u> |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 4.692.300 | 4.692.300 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | <u>4.692.300</u> | <u>4.692.300</u> |

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 7.675.808.890 | 17.555.031.890 |
| Chi phí nhân công | 5.243.396.410 | 5.660.563.208 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.686.369.792 | 1.927.265.180 |
| Thuế, phí, lệ phí | 200.520.707 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.653.150.919 | 2.116.606.001 |
| Chi phí dự phòng | 954.042 | (554.199.317) |
| Chi phí khác | 805.634.012 | 650.067.412 |
| Cộng | <u>17.265.834.772</u> | <u>27.355.334.374</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Lãi tiền vay nhập gốc của khoản vay ngắn hạn | 1.494.544.921 | 991.689.178 |
| Bù trừ công nợ phải thu - phải trả | 11.179.393.133 | 13.989.791.187 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

A. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| Nội dung | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Vay ngắn hạn | | |
| Bà Phạm Thị Minh Yến | 11.055.200.000 | - |
| Hoàn trả tiền vay | | |
| Bà Phạm Thị Minh Yến | 11.055.200.000 | - |
| Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt: | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Ông Đào Trọng Khôi (*) | 752.800.000 | 438.918.000 |
| Ông Đoàn Trung Hà (*) | 734.800.000 | 406.701.000 |
| Ông Trần Trọng Hải (*) | 3.000.000 | 24.000.000 |
| Bà Phạm Thị Minh Yến | 85.020.000 | - |
| Bà Trịnh Thanh Nhân | 16.000.000 | - |
| Ông Trần Trung Hiếu | 9.000.000 | - |
| Bà Mạc Thị Nhung | 459.840.000 | 215.555.000 |
| Bà Vũ Thị Hồng Liên | 327.180.000 | 159.165.000 |
| Bà Vũ Thanh Thủy | 6.000.000 | - |
| Bà Bùi Thị Non (**) | 310.720.000 | 151.805.000 |
| Ông Nguyễn Thế Trương (*) | 235.460.000 | 124.708.000 |
| Cộng | <u>2.939.820.000</u> | <u>1.520.852.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Các cá nhân này không còn là bên liên quan từ ngày 28/9/2021.

(**) Cá nhân này không còn là bên liên quan từ ngày 14/12/2021.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở mục V.14.

B. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|-----------------------------------|--|
| Công ty Cổ phần Thành Đức Holding | Ông Nguyễn Đức Dũng là Giám đốc - người đại diện pháp luật của Công ty |

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Thành Đức Holding | | |
| Phải thu tiền bán hàng | 29.564.692.432 | - |
| + Giá trị chưa thuế | 26.876.993.120 | - |
| + Thuế GTGT đầu ra | 2.687.699.312 | - |
| Thu tiền bán hàng | 58.695.316.372 | - |
| Ông Đoàn Trung Hà (không còn là bên liên quan từ ngày 28/9/2021) | | |
| Phải thu ngắn hạn khác | - | 1.000.000.000 |
| Vay ngắn hạn | 8.520.000.000 | 26.885.769.000 |
| Hoàn trả tiền vay | 15.685.845.754 | 27.385.700.000 |
| Lãi vay nhập gốc | 206.188.568 | 769.983.091 |
| Ông Đào Trọng Khôi (không còn là bên liên quan từ ngày 28/9/2021) | | |
| Vay ngắn hạn | - | 1.450.000.000 |
| Hoàn trả tiền vay | - | 1.458.337.500 |
| Lãi vay nhập gốc | - | 8.337.500 |
| Bà Vũ Thị Thủy (không còn là bên liên quan từ ngày 28/9/2021) | | |
| Vay ngắn hạn | - | 8.000.000.000 |
| Hoàn trả tiền vay | 7.792.240.401 | 400.000.000 |
| Lãi vay nhập gốc | - | 192.240.401 |
| Bà Đào Thị Hoa (không còn là bên liên quan từ ngày 28/9/2021) | | |
| Vay ngắn hạn | - | 400.000.000 |
| Lãi vay nhập gốc | - | 5.903.333 |
| Hoàn trả tiền vay | 405.903.333 | - |
| Bà Nguyễn Thị Huyền Trang (không còn là bên liên quan từ ngày 28/9/2021) | | |
| Vay ngắn hạn | - | 150.000.000 |
| Lãi vay nhập gốc | - | 3.405.681 |
| Hoàn trả tiền vay | 153.405.681 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------|-------------|
| Bà Bùi Thị Non (không còn là bên liên quan từ ngày 14/12/2021) | | |
| Vay ngắn hạn | - | 300.000.000 |
| Lãi vay nhập gốc | - | 5.685.839 |
| Hoàn trả tiền vay | 305.685.839 | - |

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh các mặt hàng thép và toàn bộ hoạt động bán hàng diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không thực hiện trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|------------------------|----------------------|------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay và nợ | 169.491.771.273 | - | - | 169.491.771.273 |
| Phải trả người bán | 268.749.130 | - | - | 268.749.130 |
| Các khoản phải trả khác | 656.275.389 | - | - | 656.275.389 |
| Cộng | 170.416.795.792 | - | - | 170.416.795.792 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 29.904.591.638 | - | - | 29.904.591.638 |
| Phải trả người bán | 13.758.490.980 | - | - | 13.758.490.980 |
| Các khoản phải trả khác | 1.644.815.629 | - | - | 1.644.815.629 |
| Cộng | 45.307.898.247 | - | - | 45.307.898.247 |

C. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

D. Tài sản đảm bảo

Công ty đang sử dụng các Hợp đồng tiền gửi số 168/2021/5097 ngày 02/03/2021; tiền gửi có kỳ hạn eFast số tài khoản 217000246606 ngày 02/10/2021; trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2017 và năm 2020 để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Ngô Quyền. Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 18.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|---|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 499.835.059 | 9.715.054.616 | 499.835.059 | 9.715.054.616 |
| Chứng khoán kinh doanh | 129.795.805.865 | 15.431.482.191 | 129.795.805.865 | 15.431.482.191 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 18.000.000.000 | 3.000.000.000 | 18.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 12.775.529.071 | 32.579.476.877 | 12.775.529.071 | 32.579.476.877 |
| Các khoản phải thu khác | 6.729.130.371 | 3.571.997.325 | 6.729.130.371 | 3.571.997.325 |
| Cộng | 167.800.300.366 | 64.298.011.009 | 167.800.300.366 | 64.298.011.009 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 169.491.771.273 | 29.904.591.638 | 169.491.771.273 | 29.904.591.638 |
| Phải trả người bán | 268.749.130 | 13.758.490.980 | 268.749.130 | 13.758.490.980 |
| Các khoản phải trả khác | 656.275.389 | 1.644.815.629 | 656.275.389 | 1.644.815.629 |
| Cộng | 170.416.795.792 | 45.307.898.247 | 170.416.795.792 | 45.307.898.247 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt và được trình bày lại một số chỉ tiêu cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Người lập biểu

Mạc Thị Nhung

Kế toán trưởng

Mạc Thị Nhung

Lập ngày 21 tháng 3 năm 2022



Nguyễn Đức Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Địa chỉ: Số 6, đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|--------------------------|----------------------|----------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | <u>Thời gian quá hạn</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Thời gian quá hạn</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Công ty Cơ khí Xây dựng Công trình giao thông 121 | Khó có khả năng thu hồi | 110.876.177 | 110.876.177 | Khó có khả năng thu hồi | 110.876.177 | 110.876.177 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.1 | Khó có khả năng thu hồi | 72.045.507 | 72.045.507 | Khó có khả năng thu hồi | 72.045.507 | 72.045.507 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và thiết bị Hiếu Linh | Khó có khả năng thu hồi | 12.315.496 | 12.315.496 | Khó có khả năng thu hồi | 12.315.496 | 12.315.496 |
| Công ty Cổ phần Lisemco 5 | Khó có khả năng thu hồi | 94.482.975 | 94.482.975 | Khó có khả năng thu hồi | 94.482.975 | 94.482.975 |
| Doanh nghiệp tư nhân Phương Lưu | Khó có khả năng thu hồi | 789.002.100 | 789.002.100 | Khó có khả năng thu hồi | 789.002.100 | 789.002.100 |
| Công ty CP Thép Châu Phong | Khó có khả năng thu hồi | 146.318.825 | 146.318.825 | Khó có khả năng thu hồi | 146.318.825 | 146.318.825 |
| Công ty TNHH Đầu tư TM Vận tải Gia Bảo | Khó có khả năng thu hồi | 840.200 | 840.200 | Khó có khả năng thu hồi | 840.200 | 840.200 |
| Công ty CP CK và Kết cấu thép Sóc Sơn | Khó có khả năng thu hồi | 721.155 | 721.155 | Khó có khả năng thu hồi | 721.155 | 721.155 |
| Công ty TNHH Ngọc Lâm Phong | Quá hạn trên 3 năm | 507.336 | 507.336 | Quá hạn trên 3 năm | 507.336 | 507.336 |
| Công ty TNHH Vận tải Việt Tiến | Quá hạn trên 3 năm | 57.127.004 | 57.127.004 | Quá hạn trên 3 năm | 57.127.004 | 57.127.004 |
| Công ty TNHH TM và DV Minh Tiến | Quá hạn trên 3 năm | 3.180.141 | 2.226.099 | Quá hạn 2 - 3 năm | 3.180.141 | 1.590.071 |
| Cộng | | 1.287.416.916 | 1.286.462.874 | | 1.287.416.916 | 1.285.826.846 |